

Số: 1256 /QĐ-XHNV-CTSV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hỗ trợ chi phí học tập
đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu Trưởng các trường đại học thuộc Đại học Quốc gia được quy định trong “Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên” của Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014;

Căn cứ Thông tư 35/2014/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập của sinh viên là người dân tộc thiểu số;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

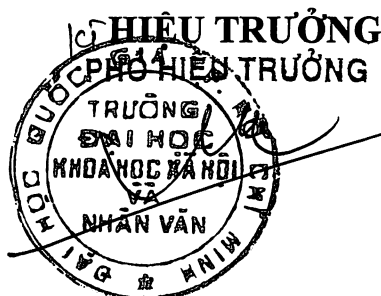
Điều 1. Chuẩn y danh sách hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I, năm học 2021-2022 cho 82 (tám mươi hai) sinh viên thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số hộ nghèo/ hộ cận nghèo theo Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2014 (đính kèm danh sách).

Điều 2. Sinh viên có tên tại Điều 1, được hỗ trợ chi phí học tập trong 5 tháng/học kỳ và mức hỗ trợ chi phí học tập mỗi tháng bằng 60% mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ.

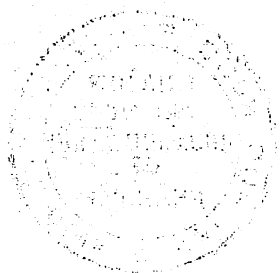
Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng đơn vị liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu: HC-TH, CTSV 



Phan Thanh Định





Phụ lục

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2021-2022**

(Kèm theo Quyết định số 1256/QĐ-XHNV-CTSV ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KHOA/ BỘ MÔN	ĐỐI TƯỢNG	DÂN TỘC	GHI CHÚ
1	1756090081	Triệu Thị	Mai	19/8/1999	Xã hội học	DTHN	Tày	100%
2	1856030149	Long Thị	Quyên	16/6/2000	Báo chí	DTHN	Nùng	100%
3	1856070027	H Nữ	Kbuôn	08/10/2000	Triết học	DTHN	Ê đê	100%
4	1856090014	Trần Thị Tuyết	Duy	28/7/1999	Xã hội học	DTHN	Khomer	100%
5	1856090018	Lâm Thị Trang	Ni	25/03/1999	Xã hội học	DTHN	Khomer	100%
6	1856090021	Chamaleá Thị	Thuế	18/9/1998	Xã hội học	DTHN	Raglai	100%
7	1856110076	H Buôn Ma	Hra	13/12/2000	Đông phương học	DTHN	Ê đê	100%
8	1856130006	H' Hương	KBuôn	01/01/1998	Lưu trữ học	DTHN	Mnông	100%
9	1856130008	Bá Nữ Vy	Phấn	05/06/1999	Lưu trữ học	DTHN	Chăm	100%
10	1856130009	Bá Thị Bích	Thương	10/8/1999	Lưu trữ học	DTHN	Chăm	100%
11	1856150006	Lý Thị	Huệ	06/10/1999	Công tác xã hội	DTHN	Nùng	100%
12	1856180046	Kiều Nữ Diệu	Linh	28/08/1999	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Chăm	100%
13	1856180060	Kim Thị	Tình	30/09/1999	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Khơ me	100%
14	1856180061	Ka	Triệu	12/11/1999	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Nộp	100%
15	1856200052	Từ Nữ Quốc	Doanh	22/6/2000	Hàn Quốc học	DTHN	Chăm	100%
16	1856200081	Sơn Thị Thanh	Ngân	16/04/2000	Hàn Quốc học	DTHN	Khơ me	100%
17	1956040121	Linh Phụng Thiên	Trang	26/06/2001	Lịch sử	DTHN	Thổ	100%
18	1956050100	Thái Duy	Thọ	20/4/2001	Truyền thông đa phương tiện	DTHN	Thổ	100%
19	1956060063	Lý Thị Hoài	Ngọc	10/10/2001	Nhân học	DTHN	Chơ ro	100%

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KHOA/ BỘ MÔN	ĐỐI TƯỢNG	DÂN TỘC	GHI CHÚ
20	1956060094	Huỳnh Thị	Vồn	25/2/2001	Nhân học	DTHN	Chăm	100%
21	1956080062	Sâm Hồng	Hà	21/02/2001	Địa lý học	DTHN	Hoa	100%
22	1956090095	Y	Diễm	7/5/2000	Xã hội học	DTHN	Ha Lãng	100%
23	1956090096	Lộ Minh	Kiên	22/7/2000	Xã hội học	DTHN	Chăm	100%
24	1956090098	Huỳnh Thị Kim	Ngân	18/5/2000	Xã hội học	DTHN	Khơ me	100%
25	1956090148	Nguyễn Thị Kim	Hương	30/10/2001	Xã hội học	DTHN	Tày	100%
26	1956090178	Đoàn Thị Thúy	Nga	24/03/2001	Xã hội học	DTHN	Tày	100%
27	1956110137	K'	Sởnh	15/04/2000	Đông phương học	DTHN	Cơ ho	100%
28	1956130031	H' Ngọc Sương	HMök	04/06/2000	Lưu trữ học	DTHN	Ê đê	100%
29	1956130032	Nguyễn Thị Thanh	Văn	08/11/2000	Lưu trữ học	DTHN	Chăm	100%
30	1956140079	Lưu Thị	Mai	14/4/2001	Văn hóa học	DTHN	Nùng	100%
31	1956140117	Lê Thị	Trinh	13/09/2001	Văn hóa học	DTHN	Nùng	100%
32	1956150053	Thị	Phượng	9/4/1999	Công tác xã hội	DTHN	Mnông	100%
33	1956160038	Lưu Gia	Lệ	7/12/2001	Tâm lý học	DTHN	Hoa	100%
34	1956160112	H Mil	Byă	16/2/2000	Tâm lý học	DTHN	Ê đê	100%
35	1956160114	Trần Thị	Thanh	01/06/2000	Tâm lý học	DTHN	Raglai	100%
36	1956160115	Nông Thị Thu	Thảo	07/01/2000	Tâm lý học	DTHN	Nùng	100%
37	1956180093	Hà Thị	Liễu	2/9/2000	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Tày	100%
38	1956180096	Hứa Thị Thu	Thương	1/8/2000	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Chăm	100%
39	1956200128	Nông Thanh	Trinh	03/07/2000	Hàn Quốc học	DTHN	Ngái	100%
40	1957040146	Đinh Thị Hồng	Anh	15/11/2000	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTHN	Tày	100%
41	1957040185	Đàm Thị Thanh	Hằng	14/10/2001	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTHN	Tày	100%
42	2056010128	Nông Thị Kim	Liên	03/01/2002	Văn học	DTHN	Nùng	100%

GI
TRÚC
ĐẠI
JAHOL
VÀ
NHÂN

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KHOA/ BỘ MÔN	ĐỐI TƯỢNG	DÂN TỘC	GHI CHÚ
43	2056010203	Trương Thị Thùy	Trinh	14/04/2002	Văn học	DTHN	Mường	100%
44	2056020090	Neàng	Nhây	05/06/2002	Ngôn ngữ học	DTHN	Khơ me	100%
45	2056060069	Tăng Thị	Thái	17/01/2001	Nhân học	DTHN	Khơ me	100%
46	2056080146	Hoàng Thị	Vượng	26/03/2002	Địa lý học	DTHN	Nùng	100%
47	2056090077	Pou Bry K'	Byis	02/03/200	Xã hội học	DTHN	Cơ ho	100%
48	2056090079	Rơ Châm	Het	21/09/1998	Xã hội học	DTHN	Ja rai	100%
49	2056090080	Trần Văn	Hiếu	05/04/2001	Xã hội học	DTHN	Rag lai	100%
50	2056110120	Bế Thị Ánh	Tuyết	22/09/2001	Đông phương học	DTHN	Tày	100%
51	2056110212	Danh Hải	Ngọc	07/04/2002	Đông phương học	DTHN	Khơ me	100%
52	2056130020	Kpă H'	Nuen	27/01/2001	Lưu trữ học	DTHN	Ja rai	100%
53	2056170029	Kiều Hoàng	Bin	12/12/2002	Đô thị học	DTHN	Chăm	100%
54	2056180086	Đạt Thị Hồng	Nhị	02/12/2001	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Chăm	100%
55	2056180087	Hoàng Huỳnh Minh	Thư	03/10/2001	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Tày	100%
56	2056180114	Thạch Thị Phước	Duyên	06/02/2002	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Khơ me	100%
57	2056180123	Nông Hồng	Hạnh	16/02/2002	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Tày	100%
58	2056190035	Từ Chí	Hào	16/03/2002	Nhật Bản học	DTHN	Hoa	100%
59	2057010121	Từ Thị Như	Ý	13/04/2001	Ngôn ngữ Anh	DTHN	Chăm	100%
60	2057040140	Hoàng Thị Mai	Huê	03/06/2002	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTHN	Nùng	100%
61	2057040216	Dương Thu	Thùy	12/06/2002	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTHN	Tày	100%
62	2156030174	Hồ Thị	Nhưõng	15/05/2003	Báo chí	DTHN	dân tộc khác	100%
63	2156030182	Lý Nguyễn Minh	Tân	30/07/2003	Báo chí	DTHN	dân tộc khác	100%
64	2156050087	Lương Thị	Đẹp	13/03/2003	Truyền thông đa phương tiện	DTHN	Nùng	100%
65	2156060097	Bùi Lê Minh	Trường	14/08/2003	Nhân học	DTHN	Mường	100%
66	2156090140	Ksor H'	Tuyên	26/12/2001	Xã hội học	DTHN	Gia rai	100%
67	2156090227	Hồ Văn	Tài	20/02/2003	Xã hội học	DTHN	Vân Kiều	100%

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KHOA/ BỘ MÔN	ĐỐI TƯỢNG	DÂN TỘC	GHI CHÚ
68	2156110183	Ma Thị Ngọc	Mai	15/10/2002	Đông phương học	DTHN	Tày	100%
69	2156150074	Triệu Thị Thùy	Dương	10/05/2003	Công tác xã hội	DTHN	Tày	100%
70	2156170088	Kiều Hà	Khương	09/05/2003	Đô thị học	DTHN	Chăm	100%
71	2156180164	Hồ Thị	Luyên	08/04/2003	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Pa cô	100%
72	2156180171	Hoàng Bích	Nương	03/11/2003	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Thái	100%
73	2156180188	Phạm Thị	Phương	24/06/2003	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Thái	100%
74	2156200101	Thành Thị Kim	Đặng	01/09/2001	Hàn Quốc học	DTHN	Chăm	100%
75	2156200107	Đạo Thị Kim	Nguyễn	09/05/2002	Hàn Quốc học	DTHN	Chăm	100%
76	2156200114	Hoàng Thị Lan	Anh	13/03/2003	Hàn Quốc học	DTHN	Tày	100%
77	2156230094	Vi Thị Vân	Anh	06/12/2003	Quản trị văn phòng	DTHN	Thái	100%
78	2156230108	Vi Thị Thu	Huyền	26/06/2003	Quản trị văn phòng	DTHN	Thái	100%
79	2156230129	Mông Thị Hồng	Phượng	18/07/2003	Quản trị văn phòng	DTHN	Tày	100%
80	2157010186	Siu	Hiên	12/05/2002	Ngôn ngữ Anh	DTHN	J rai	100%
81	2157010331	Châu Thị Kim	Thanh	02/03/2003	Ngôn ngữ Anh	DTHN	Chăm	100%
82	2157040142	Hoàng Thị Thu	Vân	16/05/2002	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTHN	Nùng	100%

Danh sách này có 82 sinh viên. 

Ghi chú:

DTHN: Đối tượng sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo/ hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ./.